

(Kèm theo Quyết định /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm)

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Mật độ	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)*(5)*(7)	(9)
1	Hoa ly có mật độ 18 cây/m2 trồng trên toàn bộ diện tích đất thu hồi	cây	1186	21.000	≤20 cây/m2	100%	24.906.000	
Tổng tiền (D):							24.906.000	

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)*(5)*(6)	(8)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp (bảng 5 lần giá đất nông nghiệp): 201.600đ/m2 * 5 lần = 1.008.000đ/m2.	m2	65,9	1.008.000	100%	66.427.200	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (30kg x 6 tháng x 16.000đ/kg = 2.880.000đ/ khẩu nông nghiệp)	Khẩu		2.880.000	100%	0	Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp: 15% nhỏ hơn 30%. Không đủ điều kiện hỗ trợ.
3	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 3.000đ/m2 nhưng tối đa không quá 3.000.000đ/chủ sử dụng đất	m2	65,9	3.000		0	Sẽ phê duyệt khi hộ gia đình bàn giao mặt bằng.
Tổng tiền: (E)						66.427.200	

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (theo K1 Đ30 ND 47/2014/ND-CP) (nếu có): Không (F)

5. Phương án tái định cư:

5.1. Phương án mua căn hộ chung cư tái định cư: Không (G)

5.2. Phương án hỗ trợ tự lo tái định cư: Không (H)

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+(D)+(E)+(H) 104.618.640 đồng

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (F)+(G) 0 đồng

V. Tổng tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối; 104.618.640 đồng

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

Bằng chữ: Một trăm linh tư triệu, sáu trăm mười tám nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Ngọc Vân